TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2023
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương;

2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 568/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2023/QĐXX-ST ngày 05/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Ngọc T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ô X, khu X, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Đức M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ô X, khu X, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Trần Đức M xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 31/3/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, vợ chồng không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 18/3/2004, hiện đã trưởng thành và Trần Phúc A, sinh ngày 31/5/2012. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Phúc A, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn ông Trần Đức M trình bày tại bản tự khai ngày 16/6/2023:

Ông không đồng ý ly hôn với bà T. Qúa trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 18/3/2004 và Trần Phúc A, sinh ngày 31/5/2012.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Thái Ngọc T nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Đức M có địa chỉ cư trú tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 31/3/2003 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ phần trình bày của bà T về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, bà T kiên quyết ly hôn, ông M không đồng ý nhưng không đưa ra biện pháp hàn gắn. Qua đó cho thấy mâu Tẫn vợ chồng giữa bà T và ông M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái Ngọc T.

Về con chung: Qúa trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 18/3/2004; hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết và cháu Trần Phúc A, sinh ngày 31/5/2012 có nguyện vọng sống cùng mẹ. Căn cứ vào điều kiện của các bên; quyền lợi về mọi mặt và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Trần Phúc A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này, các đương sự có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung, nợ chung được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Thái Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Thái Ngọc T đối với ông Trần Đức M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Ngọc T được ly hôn với ông Trần Đức M.

Về con chung: Bà Thái Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 31/5/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Đức M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Thái Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003674 ngày 23/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà T đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Bà Thái Ngọc T và ông Trần Đức M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Uỷ ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.